

Cẩm Mỹ, ngày 22 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 404/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1984

+ Anh **Nguyễn Văn Trọng N**, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh N, chị H đều thừa nhận: Vợ chồng tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào năm 2005. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Lê Phương U, sinh ngày 05/05/2005; Nguyễn Văn Trọng A, sinh ngày 22/05/2007 và Nguyễn Văn Trọng T, sinh ngày 29/12/2014. Khi ly hôn anh chị yêu cầu Tòa án công nhận giao các cháu Nguyễn Lê Phương U, sinh ngày 05/05/2005 và Nguyễn Văn Trọng A, sinh ngày 22/05/2007 cho anh Nguyễn Văn Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu Nguyễn Văn Trọng T, sinh ngày 29/12/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh N và chị H không yêu cầu và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: các đương sự khai không có.

[4] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh N và chị H phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Trọng N và chị Lê Thị H.

- Về con chung:

+ Giao các cháu Nguyễn Lê Phương U, sinh ngày 05/05/2005 và Nguyễn Văn Trọng A, sinh ngày 22/05/2007 cho anh Nguyễn Văn Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

+ Giao cháu Nguyễn Văn Trọng T, sinh ngày 29/12/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh N, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh N, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh N, chị H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

-Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Văn Trọng N và chị Lê Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng lệ phí việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh N, chị H đã nộp theo biên lai số 0001658 ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; chị H và anh N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THA DS huyện C;
- UBND xã S
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thùy Trang